

# THỨC ĐẨY NGOẠI GIAO VĂN HÓA QUA GIẢNG DẠY TIẾNG VIỆT VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM: TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

## PROMOTING CULTURAL DIPLOMACY THROUGH TEACHING VIETNAMESE LANGUAGE AND CULTURE: A CASE STUDY OF THE UNIVERSITY OF DANANG - UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGE STUDIES

Võ Thị Giang, Nguyễn Thị Thanh Nhân\*

*Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam<sup>1</sup>*

\*Tác giả liên hệ / Corresponding author: nttngan@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 01/3/2026; Sửa bài / Revised: 26/3/2026; Chấp nhận đăng / Accepted: 11/4/2026)

DOI: 10.31130/ud-jst.2026.24(5B).276

**Tóm tắt** - Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030 của Việt Nam xác định quảng bá ngôn ngữ và văn hóa là công cụ then chốt để tăng cường sức mạnh mềm quốc gia, trong đó tiếng Việt đóng vai trò cầu nối thúc đẩy quan hệ hữu nghị với các nước. Tại khu vực miền Trung, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng (ĐHNN-ĐHĐN) là đơn vị trọng điểm trong giảng dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu chính sách kết hợp nghiên cứu trường hợp để đánh giá thực tiễn hoạt động này tại Trường ĐHNN-ĐHĐN. Kết quả chỉ ra nhiều điểm sáng tích cực bên cạnh các thách thức: thiếu cơ chế kết nối cựu lưu học sinh, hạn chế học liệu số chuyên sâu, và chưa khai thác triệt để lợi thế văn hóa đặc trưng miền Trung. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất ba nhóm giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả ngoại giao văn hóa thông qua giảng dạy tiếng Việt tại Trường ĐHNN-ĐHĐN.

**Từ khóa** - Giảng dạy tiếng Việt; văn hoá Việt Nam; ngoại giao văn hoá; người nước ngoài; Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng.

### 1. Đặt vấn đề

Theo quan điểm của Đảng và Nhà nước nêu rõ trong Chiến lược ngoại giao văn hoá đến năm 2030, “ngoại giao văn hoá là bộ phận cấu thành quan trọng của nền ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại [...], ngoại giao văn hoá là nền tảng tinh thần tạo nên bản sắc của ngoại giao Việt Nam” [1]. Đồng thời, giáo dục là một trong những lĩnh vực gắn kết Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030 với việc triển khai các chiến lược cụ thể. Theo đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao nhiệm vụ tạo điều kiện đưa nội dung ngoại giao văn hoá [Việt Nam] vào giảng dạy tại các cơ sở đào tạo có các chuyên ngành về ngoại giao, văn hoá; đồng thời tăng cường giảng dạy tiếng Việt trong và ngoài nước cho sinh viên quốc tế và kiều bào Việt Nam tại nước ngoài [1]. Gần đây nhất, Nghị quyết 80-NQ/TW của Bộ Chính trị do Tổng Bí thư Tô Lâm ký ban hành đã chính thức lấy ngày 24/11 hàng năm là ngày Văn hoá Việt Nam [2]. Quyết định này càng khẳng định vai trò quan trọng của văn hoá, thể hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong việc đưa văn hoá trở thành nền

**Abstract** - Vietnam's Cultural Diplomacy Strategy to 2030 identifies the promotion of language and culture as a key instrument for strengthening national soft power, with Vietnamese serving as a bridge to foster friendly relations with other countries. In the Central Region, The University of Danang - University of Foreign Language Studies (UD-UFLS) functions as a focal institution for teaching Vietnamese language and culture to international learners. Drawing on policy document analysis combined with a case study approach, this paper evaluates the practice of Vietnamese language and culture instruction at UD-UFLS. The findings reveal a number of positive developments alongside persistent challenges, including the absence of a structured alumni engagement mechanism, limited availability of specialised digital learning materials, and insufficient utilisation of the Central Region's distinctive cultural assets. On this basis, the paper proposes three strategic recommendations aimed at enhancing the effectiveness of cultural diplomacy through Vietnamese language teaching at UD-UFLS.

**Key words** - teaching Vietnamese language; Vietnamese culture; cultural diplomacy; foreigners; The University of Danang - University of Foreign Language Studies.

tảng vững chắc và sức mạnh tinh thần to lớn, góp phần đưa đất nước vươn mình mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới. Điều này cho thấy việc quảng bá văn hoá và bản sắc văn hoá Việt Nam đến với bạn bè quốc tế thông qua các kênh khác nhau, bao gồm ngôn ngữ, là vô cùng cần thiết. Ngôn ngữ là công cụ quan trọng giúp truyền tải và bảo tồn văn hoá và sự phát triển quốc gia [3].

Hiểu rõ mối liên hệ mật thiết giữa ngôn ngữ và văn hoá, đồng thời tiếp nối những định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước, việc giảng dạy tiếng Việt và văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài không chỉ là một hoạt động đào tạo ngôn ngữ đơn thuần, mà đã trở thành một kênh đối ngoại nhân dân hữu hiệu, thông qua ngôn ngữ để giúp người học tiếp nhận kiến thức và đồng thời hiểu sâu hơn về đất nước, con người Việt Nam. Tuy nhiên, thách thức đặt ra trong bối cảnh hiện nay là làm thế nào để tối ưu hoá vai trò của giáo dục, cụ thể là giảng dạy tiếng Việt và văn hoá Việt Nam trong việc thúc đẩy ngoại giao văn hoá. Trường ĐHNN-ĐHĐN trong những năm qua đã đạt được những kết quả nhất định trong công

<sup>1</sup> The University of Danang - University of Foreign Language Studies, Vietnam (Võ Thị Giang, Nguyễn Thị Thanh Nhân)

tác đào tạo ngôn ngữ và văn hoá cho lưu học sinh (LHS), vấn đề lớn nhất cần được nghiên cứu sâu hơn chính là cần những giải pháp đột phá để đẩy mạnh chương trình, và đưa chất lượng chương trình giảng dạy gắn liền với mục tiêu quảng bá hình ảnh quốc gia, góp phần thúc đẩy ngoại giao văn hoá của Việt Nam. Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu “**Thúc đẩy ngoại giao văn hoá qua giảng dạy tiếng Việt và văn hoá Việt Nam: Trường hợp tại Trường ĐHN-ĐHĐN**” được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác này trong bối cảnh hội nhập.

## 2. Câu hỏi và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung giải quyết ba câu hỏi cốt lõi, gồm: (1) Thực tiễn giảng dạy tiếng Việt và văn hoá Việt Nam tại ĐHN-ĐHĐN hiện có những điểm đặc thù nào so với các cơ sở đào tạo khác, và hoạt động này đã đóng góp như thế nào vào mục tiêu ngoại giao văn hoá? (2) Những thách thức mang tính hệ thống nào đang cản trở việc phát huy tối đa tiềm năng ngoại giao văn hoá của chương trình? (3) Cần có những giải pháp đột phá nào để nâng cao hiệu quả công tác này, đặc biệt là trong việc biến mỗi LHS trở thành một đại sứ văn hoá thực sự?

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu chính sách kết hợp nghiên cứu trường hợp. Dữ liệu được thu thập từ ba nguồn chính: (1) các văn bản pháp lý của Đảng và Nhà nước liên quan đến ngoại giao văn hoá và giảng dạy tiếng Việt; (2) các báo cáo tổng kết năm học của Trường ĐHN-ĐHĐN giai đoạn 2021–2025; và (3) các công trình nghiên cứu học thuật trong và ngoài nước về ngoại giao văn hoá, quyền lực mềm và giảng dạy ngôn ngữ. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu được áp dụng để xây dựng khung lý luận, trong khi tiếp cận nghiên cứu trường hợp được vận dụng để mô tả, phân tích và đánh giá thực tiễn hoạt động giảng dạy tiếng Việt và văn hoá Việt Nam tại đơn vị nghiên cứu cụ thể. Đây là phương pháp phù hợp với mục tiêu của nghiên cứu, vốn hướng tới việc làm rõ bức tranh thực tiễn của một mô hình cụ thể thay vì kiểm định giả thuyết thống kê trên diện rộng.

## 3. Cơ sở lý luận và thực tiễn về thúc đẩy giảng dạy tiếng Việt và văn hoá Việt Nam với mục tiêu tăng cường ngoại giao văn hoá

### 3.1. Cơ sở lý luận

#### 3.1.1. Một số khái niệm liên quan

“Ngoại giao văn hoá” đã dần trở thành một trong những thuật ngữ chuẩn trong tư duy chính sách đối ngoại của các quốc gia. Theo Bộ Ngoại giao Mỹ, ngoại giao văn hoá giúp tạo ra nền tảng của sự tin cậy đối với nhân dân các quốc gia khác, điều này giúp cho các nhà hoạch định chính sách có thể dựa vào để đạt được các thỏa thuận về chính trị, kinh tế và quân sự [4]. Ngoại giao văn hoá đề cập đến sự trao đổi ý tưởng, thông tin, nghệ thuật và các khía cạnh khác của văn hoá giữa các quốc gia và nhân dân các nước nhằm thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau [5]. Hình thức ngoại giao này tập trung vào nhân dân ở các quốc gia hơn là chính phủ như các hình thức ngoại giao tiêu chuẩn khác.

Tại Việt Nam, tuy không có một định nghĩa chính thức cho thuật ngữ Ngoại giao văn hoá, nhưng Đảng và nhà

nước luôn nhấn mạnh tới khía cạnh ngoại giao này trong các văn bản pháp quy của Chính phủ. Các văn bản như Quyết định 208/QĐ-TTg (2011) của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “*Chiến lược Ngoại giao văn hoá đến năm 2020*”; Quyết định số 210/QĐ-TTg (2015) phê duyệt “*Chiến lược văn hoá đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến 20230*”; Quyết định số 2013/QĐ-TTg (2021) phê duyệt “*Chiến lược Ngoại giao văn hoá đến năm 2030*” đều nhấn mạnh đến vai trò của ngoại giao văn hoá, và các kế hoạch dài hạn nhằm thúc đẩy ngoại giao văn hoá ngày càng phát triển sâu rộng và thực chất.

Tuy không có một định nghĩa hoàn chỉnh và thống nhất về ngoại giao văn hoá, và có nhiều cách tiếp cận khác nhau, điểm chung trong nội hàm của khái niệm này đều là sử dụng văn hoá như một công cụ để phục vụ các mục tiêu quốc gia thông qua các hoạt động giao lưu, đối ngoại [6]. Trong bối cảnh của nghiên cứu này, ngoại giao văn hoá được tiếp cận theo nghĩa rộng và mang tính toàn xã hội, tức là không chỉ giới hạn trong các hoạt động của chính phủ mà còn bao gồm vai trò của các cơ sở giáo dục, giảng viên, và đặc biệt là bản thân người học với tư cách là chủ thể lan toả giá trị văn hoá. Cách tiếp cận này cho phép nhìn nhận hoạt động giảng dạy tiếng Việt và văn hoá Việt Nam tại Trường ĐHN-ĐHĐN không đơn thuần là thực hành sư phạm, mà là một hành động ngoại giao văn hoá có chủ đích ở cấp độ cơ sở (grassroots cultural diplomacy).

Một thuật ngữ khác trong nghiên cứu này là “đại sứ văn hoá”. Trong lý thuyết về quyền lực mềm của Joseph Nye, sức mạnh mềm của một quốc gia được xây dựng phần lớn thông qua sức hút của văn hoá, giá trị và chính sách đối với người nước ngoài. Theo đó, những cá nhân nước ngoài đã tiếp xúc sâu với văn hoá và ngôn ngữ Việt Nam, thông qua quá trình học tập trực tiếp tại Việt Nam, có tiềm năng trở thành “cầu nối” tự nhiên, lan toả hình ảnh và thông điệp tích cực về Việt Nam tại quê hương họ. Những cá nhân này là các “đại sứ văn hoá không chính thức”, phân biệt với các đại sứ văn hoá chính thức do nhà nước bổ nhiệm [7].

#### 3.1.2. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngoại giao văn hoá

Trước hết, ngôn ngữ là một phần của văn hoá và ngược lại, văn hoá là một phần tạo nên ngôn ngữ. Hai hợp phần này đan xen chặt chẽ với nhau không thể tách biệt vì một khi bị tách rời, mỗi hợp phần sẽ mất đi ý nghĩa đầy đủ của nó [8]. Với những người học ngôn ngữ mẹ đẻ vốn đã đắm chìm vào văn hoá của mình một cách tự nhiên, rất ít khi họ phải đặt câu hỏi về mối liên hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá. Tuy nhiên, đối với những người học một ngoại ngữ mới, khi những hiểu biết về văn hoá thực sự nằm ngoài sách vở, việc học và thấu hiểu một ngôn ngữ sẽ mang một hình thái khác [8], [9].

Có nhiều nhà khoa học xã hội cho rằng, văn hoá không thể tồn tại nếu không có ngôn ngữ, bởi vì ngôn ngữ vừa phản chiếu văn hoá, vừa chịu ảnh hưởng và được định hình bởi văn hoá. Mối quan hệ hai chiều này, nhìn rộng ra, ngôn ngữ vừa là sự hiện diện mang tính biểu tượng của một dân tộc vì ngôn ngữ bao gồm bối cảnh văn hoá và lịch sử, cũng như quan điểm sống và cách tư duy của người dân [10]. Đồng thời ngôn ngữ cũng là công cụ để

giúp người học có thể tiếp cận đến gần hơn với các khía cạnh khác của cuộc sống, như các giá trị truyền thống, niềm tin tôn giáo, sự thay đổi của xã hội, v.v. Những yếu tố này chính là những yếu tố phản ánh điều kiện kinh tế, văn hoá của một dân tộc [11].

Như vậy, mối liên hệ chặt chẽ giữa ngôn ngữ và văn hoá không chỉ giúp người học tăng cường khả năng ngôn ngữ mà thông qua ngôn ngữ còn có thể đi sâu hơn vào các khía cạnh khác của đời sống xã hội, hiểu rõ các quy tắc ứng xử để có thể hoà nhập vào một cộng đồng mà không cảm thấy xa lạ hay lạc lõng [12]. Vận dụng vào bối cảnh nghiên cứu này, điều đó có nghĩa là khi một LHS học tiếng Việt, họ không chỉ tiếp thu ngữ âm, từ vựng hay ngữ pháp, mà còn đang tiếp nhận cả một hệ thống giá trị, tư duy và bản sắc của người Việt. Đây là lý do tại sao giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, khi được triển khai đúng hướng, là một trong những hình thức ngoại giao văn hoá hiệu quả nhất.

### 3.2. Cơ sở thực tiễn

#### 3.2.1. Thúc đẩy ngoại giao văn hoá qua giảng dạy ngôn ngữ từ thực tiễn quốc tế

Phần lớn các quốc gia lớn trên thế giới đều có các mô hình ngoại giao văn hoá khác nhau nhằm thúc đẩy sự kết nối văn hoá thông qua ngôn ngữ. Mặc dù vậy, các mô hình này vẫn có những điểm tương đồng.

Tại châu Âu, Hội đồng Anh (BC) với phương châm “chia sẻ và thúc đẩy tiếng Anh và văn hoá Anh” được thành lập bởi chính phủ Anh từ năm 1934, văn phòng nước ngoài đầu tiên được mở cửa vào năm 1938, khiến BC này trở thành một trong những tổ chức đối ngoại văn hoá lâu đời nhất trên thế giới. Hội đồng Anh được cấp Huân chương Hoàng gia vào năm 1940, chính thức được giao phó sứ mệnh “thúc đẩy sự hiểu biết sâu rộng về nước Anh và tiếng Anh trên toàn thế giới, và giúp thiết lập chặt chẽ hơn mối quan hệ giữa nước Anh với các quốc gia khác” [13]. Hiện nay, BC đặt văn phòng tại hơn 100, và tiếp cận người dân tại hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ [14]. Theo đó, BC đã tạo dựng được các mối quan hệ đối bên cùng có lợi giữa người dân Vương quốc Anh với các quốc gia khác. Điều này góp phần củng cố uy tín và ảnh hưởng toàn cầu của Vương quốc Anh, khuyến khích mọi người từ khắp nơi trên thế giới đến tham quan, học tập, giao thương và thiết lập các liên minh với Vương quốc Anh, kéo theo sự hiện diện của nước Anh trên toàn cầu [15].

Tương tự, Viện Goethe của Đức là cơ quan Văn hoá trực thuộc chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức ra đời năm 1951, nhằm “thúc đẩy tiếng Đức và văn hoá Đức thông qua trao đổi quốc tế”. Hiện nay có 150 viện Goethe tại 99 quốc gia và vùng lãnh thổ, riêng tại Đức có 12 văn phòng của cơ quan này, 1100 đầu mối liên hệ là các trung tâm ngôn ngữ và các tổ chức văn hoá, mạng lưới đối tác toàn cầu trải rộng trên các phương diện từ văn hoá, khoa học, xã hội cho tới kinh doanh. Khoảng 270,000 người tham gia các khoá học tiếng Đức trực tiếp và thông qua các khoá học được số hoá, hơn một triệu người tham gia các kỳ thi tiếng Đức, và có khoảng hơn 7 triệu người theo dõi trên các nền tảng mạng xã hội [16]. Những con số trên cho thấy mạng lưới viện Goethe toàn cầu thực sự lớn

lớn. Việc giảng dạy tiếng Đức cho người nước ngoài được chú trọng đầu tư bởi tiếng Đức là chìa khoá đến với xã hội Đức, thúc đẩy hiểu biết sâu sắc và kết nối con người thông qua biên giới [17], [18].

Tại châu Á, Quỹ Nhật Bản của Nhật Bản ra đời vào năm 1972 với sứ mệnh “nuôi dưỡng tình hữu nghị và mối quan hệ giữa Nhật Bản và thế giới”. Tính đến tháng 3/2024, Quỹ Nhật Bản có 26 văn phòng đặt tại 25 quốc gia trên toàn thế giới. Các văn phòng này ưu tiên việc thiết lập các nền tảng đào tạo giáo viên nhằm tạo sức ảnh hưởng đến các khu vực lân cận và mở rộng phạm vi quảng bá [19]. Hoạt động của Quỹ đa dạng trên nhiều lĩnh vực, từ trao đổi văn hoá & nghệ thuật, giáo dục tiếng Nhật, nghiên cứu Nhật Bản, cho đến các chương trình đối tác toàn cầu, dựa trên các chính sách cụ thể của các quốc gia và khu vực [20] nhằm thúc đẩy việc học tiếng Nhật và giao lưu văn hoá – hai yếu tố then chốt trong việc xây dựng quyền lực mềm của Nhật Bản. Gu & Deng cho rằng các biện pháp thúc đẩy ngôn ngữ và giao lưu văn hoá là thiết yếu để xây dựng một khung chiến lược tích hợp và thống nhất, từ đó tạo ra sự cộng hưởng giữa các mục tiêu quyền lực mềm ở cấp độ vĩ mô với các bối cảnh giáo dục và văn hoá ở cấp độ vi mô [19].

Có thể thấy thông qua mạng lưới các trung tâm văn hoá, chương trình giảng dạy ngôn ngữ, các quốc gia không chỉ nâng cao hình ảnh quốc gia, mà còn tạo dựng được nền tảng cho mối quan hệ đối ngoại bền chặt và bền vững. Ngôn ngữ chính là cầu nối giúp nhân dân các nước hiểu hơn về đất nước nói ngôn ngữ đó, và ngược lại, tăng cường thúc đẩy giảng dạy ngôn ngữ cho nhân dân các quốc gia khác giúp quốc gia tăng cường sự hiện diện ngoại giao, thúc đẩy ngoại giao văn hoá với nhân dân các quốc gia sở tại.

#### 3.2.2. Chủ trương của Việt Nam trong việc thông qua giảng dạy tiếng Việt và văn hoá Việt Nam làm cầu nối thúc đẩy ngoại giao văn hoá

Trong rất nhiều văn bản pháp lý, Đảng và nhà nước đã luôn nhất quán khẳng định ngoại giao văn hoá là một bộ phận cấu thành của nền ngoại giao toàn diện, hiện đại. Theo đó, tiếng Việt và văn hoá Việt Nam đóng vai trò là công cụ, là phương tiện truyền tải các giá trị cốt lõi của quốc gia. Một số văn kiện quan trọng bao gồm:

*Quyết định số 14/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài”* được nguyên Thủ tướng chính phủ Vũ Đức Đam phê duyệt vào năm 2017 với mục tiêu “tăng cường đẩy mạnh việc dạy & học cho thế hệ người Việt Nam ở nước ngoài một cách thiết thực, nhằm giữ gìn, củng cố và phát triển ngôn ngữ, bản sắc văn hoá dân tộc, phát huy tinh thần hướng về quê hương”. Việc dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam tại nước ngoài thể hiện sự quan tâm của nhà nước đối với cộng đồng kiều bào như một bộ phận không thể tách rời của dân tộc. Đề án này vừa mang ý nghĩa giáo dục ngôn ngữ, vừa là một định hướng chính trị - xã hội nhằm giữ gìn, củng cố và phát triển bản sắc dân tộc, đồng thời tăng cường ý thức hướng về cội nguồn cho các thế hệ người Việt sinh sống ở nước ngoài.

*Quyết định số 2013/QĐ-TTg phê duyệt “Chiến lược Ngoại giao văn hoá đến năm 2030”*, xác định quảng bá

ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam là công cụ then chốt để tăng cường sức mạnh mềm, nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Một trong những mục tiêu chính của Chiến lược này là tổ chức các hoạt động ngoại giao văn hóa có quy mô lớn, các hoạt động trong khuôn khổ Tuần/Ngày Việt Nam, Tuần/Ngày Văn hóa Việt Nam tại các nước có quan hệ đối tác toàn diện, đối tác chiến lược, láng giềng hữu nghị truyền thống với Việt Nam. Tuy không trực tiếp đề cập đến việc tăng cường giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ cho người nước ngoài, Chiến lược này nhấn mạnh việc quảng bá tiếng Việt không đơn thuần chỉ là để bảo tồn các giá trị Việt truyền thống, mà còn là một công cụ chiến lược, một phương tiện để trực tiếp truyền tải hệ giá trị văn hoá, bản sắc dân tộc.

Quyết định số 930/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Ngày Tôn vinh tiếng Việt trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2023 – 2030” lấy ngày 8/9 hàng năm là Ngày Tôn vinh tiếng Việt, lan toả tình yêu ngôn ngữ và là động lực thúc đẩy phong trào dạy và học tiếng Việt, từ đó góp phần quảng bá tiếng Việt và văn hoá Việt Nam ra thế giới, đồng thời đưa tiếng Việt thành ngoại ngữ chính thức ở các địa bàn thuận lợi. Trước đó, trong “Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030” đã đề cập đến việc nghiên cứu lựa chọn Ngày tôn vinh tiếng Việt hàng năm để khuyến khích, cổ vũ đồng bào, nhất là thế hệ trẻ học tập và giữ gìn tiếng Việt. Xét trên phương diện đối ngoại, ngày Tôn vinh tiếng Việt trong cộng đồng người Việt tại nước ngoài được kỳ vọng sẽ là một công cụ ngoại giao chiến lược có hiệu quả. Do đó, một khi tiếng Việt được duy trì trong cộng đồng kiều bào ở hải ngoại và lan toả đến cộng đồng địa phương và cộng đồng quốc tế, Việt Nam có thể xây dựng được mạng lưới những cá nhân có am hiểu và có thiện cảm với văn hoá Việt Nam, góp phần hỗ trợ cho hợp tác kinh tế, giáo dục, du lịch, và đặc biệt là giao lưu nhân dân.

Quyết định số 2732/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025 - 2035, định hướng đến năm 2045” đặt ra định hướng phát triển năng lực ngoại ngữ toàn diện cho hệ thống quốc dân. Tuy mục tiêu chính của Đề án này là nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ cho người Việt Nam, Đề án cũng tạo nền tảng quan trọng để đẩy mạnh giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ cho người nước ngoài, góp phần nâng cao hiệu quả đối ngoại văn hoá và quảng bá hình ảnh quốc gia. Việc đẩy mạnh công nghệ tiên tiến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục, phát triển hệ thống học liệu trực tuyến, tăng cường năng lực, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng dạy các ngôn ngữ khác cũng tạo tiền đề thuận lợi để xây dựng các chương trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài theo chuẩn quốc tế.

Rõ ràng, việc tăng cường quảng bá tiếng Việt và văn hoá Việt Nam không còn chỉ dừng lại ở một hoạt động giáo dục – đào tạo đơn thuần, mà đã trở thành một nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước chú trọng. Dù là giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài tại Việt Nam, hay đưa tiếng Việt ra nước ngoài và giảng dạy cho kiều bào ở hải ngoại, mục tiêu chính của Đảng và Nhà nước là thông qua tiếng Việt để giữ gìn và quảng bá các giá trị lịch sử, bản sắc dân tộc quốc gia, đồng thời làm cầu nối văn hoá để đưa Việt Nam đến gần hơn với cộng đồng kiều bào và bạn bè quốc tế.

## 4. Thực tiễn giảng dạy tiếng Việt và văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài tại trường ĐHNĐ-ĐHNĐ

### 4.1. Thực tiễn công tác tổ chức và triển khai giảng dạy

Hoạt động giảng dạy Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài tại Trường ĐHNĐ-ĐHNĐ được đặt trong lòng hệ sinh thái chiến lược của miền Trung Việt Nam và mục tiêu quốc gia về quốc tế hóa giáo dục. Sự đặc thù của mô hình tại Trường ĐHNĐ-ĐHNĐ nằm ở chỗ trường vận hành theo định hướng một trường đại học ứng dụng đa ngành với nòng cốt là ngôn ngữ và quốc tế học. Tại đây, việc giảng dạy Tiếng Việt cho người nước ngoài không chỉ là một dịch vụ đào tạo đơn thuần mà là một thành tố then chốt trong chiến lược phát triển ngoại giao văn hoá thông qua giáo dục.

Vị thế của Trường ĐHNĐ-ĐHNĐ càng được củng cố khi đặt trong bối cảnh Đại học Đà Nẵng đang được Chính phủ đầu tư trọng điểm để trở thành một trong bốn đại học hàng đầu Việt Nam, hướng tới mục tiêu gia nhập nhóm 150 trường đại học xuất sắc nhất châu Á theo tinh thần của Nghị quyết số 26-NQ/TW. Trong lộ trình này, Trường ĐHNĐ-ĐHNĐ đóng vai trò là “cửa ngõ” giao lưu quốc tế, nơi các chỉ số về số lượng LHS và hiệu quả quảng bá văn hóa trở thành thước đo quan trọng cho sự thành công của tiến trình quốc tế hóa. Sự chuyển dịch này cho thấy nhà trường đã và đang hướng tới một mô hình giáo dục mở, nơi tiếng Việt được sử dụng như một phương tiện để kết nối các giá trị kinh tế, chính trị và văn hóa giữa Việt Nam với thế giới.

Về mặt tổ chức, hoạt động này được vận hành bởi sự phối hợp bởi các đơn vị chuyên trách. Về mặt chuyên môn, Khoa Quốc tế học thuộc Trường ĐHNĐ-ĐHNĐ với bộ môn Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam cho người nước ngoài trong cấu trúc chiến lược của Nhà trường được xác định là vùng đệm liên văn hóa. Tại đây, chương trình học được thiết kế không chỉ để truyền thụ ngữ pháp, phát triển khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt mà còn nhằm xây dựng năng lực giao tiếp liên văn hóa, giúp LHS thấu hiểu hệ giá trị, tư duy và bản sắc của con người Việt Nam. Về mặt truyền thông và quản lý hỗ trợ các hoạt động tiếp nhận sinh viên nước ngoài đến học Tiếng Việt tại Trường, các phòng ban chuyên môn, đặc biệt là phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hiện thực hóa các cam kết quốc tế và các thỏa thuận hợp tác (MOU/MOA). Hiện nay, Trường đã ký MOU/MOA với các đối tác chiến lược tại khu vực Đông Bắc Á và ASEAN, tạo điều kiện thuận lợi cho các LHS đến Trường để học tập ngôn ngữ và trải nghiệm văn hoá Việt Nam, bao gồm LHS diện Hiệp định và đăng ký học tự do.

Có thể thấy, sự gắn kết giữa thực tiễn tại Trường ĐHNĐ-ĐHNĐ và định hướng quốc gia được thể hiện rõ nét qua việc cụ thể hóa *Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030* và *Quyết định số 2013/QĐ-TTg*. Nhà trường đã có sự phối hợp giữa các đơn vị nhằm triển khai có hiệu quả Chiến lược của nhà nước, thực hiện sứ mệnh ngoại giao văn hoá, góp phần xây dựng một hình ảnh Việt Nam hiện đại, chủ động và có trách nhiệm trong dòng chảy hội nhập toàn cầu.

## 4.2. Kết quả triển khai công tác hoạt động ngoại giao văn hoá

Số liệu LHS thực tế qua các năm cho thấy một sự dịch chuyển quan trọng trong cơ cấu người học. Trong giai đoạn 2021-2022, Nhà trường tiếp nhận 38 LHS, chủ yếu tập trung ở hệ đào tạo dài hạn (25 SV) với trọng tâm là SV Lào (16 SV) và Hàn Quốc (08 SV) [21]. Đến năm học 2023-2024, dù tổng số không thay đổi, danh sách quốc tịch của LHS đa dạng hơn, mở rộng sang các quốc gia mới như Pháp, Mỹ, Vanuatu, Thụy Điển và Myanmar [22]. Bước đột phá đặc biệt diễn ra vào năm học 2024-2025 khi tổng số LHS đến học tập và giao lưu tại Trường tăng lên đến 51 người. Sự tăng trưởng này minh chứng cho sự gia tăng uy tín của Trường ĐHNN-ĐHĐN trong việc thu hút nguồn lực quốc tế ngoài khuôn khổ các hiệp định chính phủ. Việc đa dạng hóa các loại hình chương trình - từ hệ chính quy (06 SV), dự bị Tiếng Việt (19 SV) đến các khóa học ngắn hạn (26 SV) - tạo ra một hệ sinh thái đào tạo linh hoạt [23]. Sự linh hoạt này cho phép Nhà trường tiếp cận nhiều đối tượng người học nước ngoài khác nhau, từ những người nghiên cứu sâu về Việt Nam học đến những sinh viên quốc tế muốn trải nghiệm văn hóa trong ngắn hạn, từ đó mở rộng diện bao phủ của ngoại giao văn hóa.

Hiệu quả của hoạt động ngoại giao văn hóa tại Trường ĐHNN-ĐHĐN không chỉ được đo lường bằng số lượng sinh viên mà còn qua cách thức Nhà trường chuyên hóa các hoạt động học thành trải nghiệm thực tế về văn hoá. Nổi bật trong chiến lược này là các chương trình thường niên mang tính biểu tượng như “Tết trong Tôi”. Đây không chỉ là một sự kiện lễ hội hàng năm, mà còn là một không gian giao lưu liên văn hóa, nơi các LHS được trực tiếp tham gia vào các nghi thức truyền thống, tìm hiểu ý nghĩa của ngày Tết Việt Nam và giới thiệu câu chuyện về ngày tết ở đất nước mình với bạn bè. Ngoài hoạt động thường niên, trong chương trình học cũng tích hợp nhiều buổi học trải nghiệm ngoài lớp học với địa điểm học tập đa dạng qua những buổi học tại các làng nghề truyền thống, thông qua các tình huống thực tế tại quán cà phê, chợ, siêu thị, v.v. Tất cả những hình thức trên vừa hữu ích cho quá trình tiếp nhận ngôn ngữ với LHS, vừa mang lại những trải nghiệm thực tế, giúp LHS từ nhiều nền văn hoá khác nhau có thể tận mắt nhìn thấy và cảm nhận được văn hoá Việt Nam thể hiện qua đời sống hàng ngày.

Từ những dữ liệu và hoạt động nêu trên, có thể đánh giá những đóng góp thực tiễn của Trường ĐHNN-ĐHĐN đối với công tác ngoại giao văn hóa của Việt Nam tại Đà Nẵng trên ba phương diện cốt lõi. *Thứ nhất*, Nhà trường đã trực tiếp góp phần xây dựng thương hiệu Đà Nẵng như một trung tâm giáo dục và giao thoa văn hóa của khu vực miền Trung. Việc thu hút sinh viên từ các cường quốc như Mỹ, Pháp, Nhật Bản hay Hàn Quốc đến học tiếng Việt không chỉ mang lại nguồn thu kinh tế mà còn nâng cao vị thế chính trị-văn hóa của thành phố trên trường quốc tế. *Thứ hai*, thông qua việc đào tạo LHS diện Hiệp định và học bổng thành phố, Trường ĐHNN-ĐHĐN đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ củng cố các mối quan hệ đối ngoại chiến lược truyền thống, điển hình như với nước bạn Lào. Những LHS này chính là nguồn nhân lực tương lai giúp

duy trì sự gắn kết bền bỉ giữa Việt Nam và nước bạn. *Thứ ba*, đóng góp quan trọng nhất từ việc giảng dạy Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài tại Trường ĐHNN-ĐHĐN chính là việc hình thành một mạng lưới “đại sứ”. Mỗi LHS sau khi hoàn thành khóa học tại Trường ĐHNN-ĐHĐN, dù là hệ chính quy hay giao lưu ngắn hạn, đều mang theo những ký ức và hiểu biết về một Việt Nam hiếu khách, hiện đại và giàu bản sắc. Đơn cử như trong năm học 2024-2025 với 87 SV giao lưu văn hóa, tiềm năng lan tỏa hình ảnh quốc gia là vô cùng lớn. Họ chính là những người sẽ kể câu chuyện về Việt Nam tại quê hương mình, tạo ra hiệu ứng truyền thông tự nhiên và khách quan nhất. Như vậy, hoạt động giảng dạy Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam tại Trường ĐHNN-ĐHĐN đã thực sự trở thành một cánh tay nối dài của ngành ngoại giao, góp phần thực hiện mục tiêu quảng bá ngôn ngữ và vinh danh giá trị Việt Nam theo đúng định hướng của Chiến lược mà Chính phủ đã đề ra.

Mặc dù đã đạt được những kết quả khả quan, quá trình triển khai ngoại giao văn hóa thông qua giảng dạy Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam tại Trường ĐHNN-ĐHĐN vẫn đối mặt với những thách thức mang tính hệ thống trong bối cảnh cạnh tranh giáo dục toàn cầu.

*Thứ nhất*, phần lớn các hoạt động quảng bá như “Tết trong tôi” vẫn mang tính sự kiện trực tiếp. Việc thiếu các nền tảng học liệu số chuyên sâu về văn hóa Việt Nam đặc trưng của miền Trung (di sản Huế, Hội An, Mỹ Sơn) khiến việc duy trì ảnh hưởng văn hóa sau khi sinh viên rời khỏi Việt Nam gặp nhiều khó khăn. Đây là một “khoảng trống kỹ thuật” cần được cải thiện để tối ưu hóa sức mạnh mềm trong kỷ nguyên số.

*Thứ hai*, số liệu thống kê cho thấy số lượng LHS có sự biến động qua các năm. Điều này phần nào phản ánh rằng hoạt động thu hút LHS của nhà trường vẫn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố mang tính thời điểm hoặc các chương trình, dự án cụ thể, chưa thực sự hình thành được nguồn tuyển sinh ổn định, lâu dài dựa trên uy tín thương hiệu giáo dục.

*Thứ ba*, hiện nay thiếu một cơ chế kết nối chặt chẽ giữa các thể hệ cựu LHS đã từng học tập tại trường. Mạng lưới cựu LHS được coi là tài sản quyền lực mềm quý giá, đóng vai trò là những điểm lan tỏa ảnh hưởng quốc gia một cách tự nhiên. Tuy nhiên, tại Trường ĐHNN-ĐHĐN, sau khi kết thúc chương trình học, sợi dây liên kết cựu LHS và Nhà trường chưa thực sự bền chặt. Việc thiếu một cộng đồng cựu LHS là một sự lãng phí nguồn lực “đại sứ văn hóa”, khiến những tác động tích cực của việc giảng dạy tiếng Việt và văn hóa Việt Nam dừng lại ở mức độ cá nhân thay vì tạo thành một mạng lưới ảnh hưởng rộng lớn hơn.

## 5. Đề xuất và kiến nghị

Xuất phát từ những thách thức đã được nhận diện ở phần trên, nghiên cứu đề xuất các nhóm giải pháp nhằm giải quyết các thách thức còn tồn tại. Các nhóm giải pháp bao gồm: (1) Đa dạng hoá trải nghiệm thực tế nhằm khai thác lợi thế địa phương; (2) Tăng cường ứng dụng công nghệ nhằm số hoá học liệu và tăng cường truyền thông đa nền tảng; và (3) Xây dựng mạng lưới “đại sứ văn hoá” nhằm kết nối các thế hệ LHS.

### 5.1. Đa dạng hoá các hoạt động trải nghiệm thực tế

Hiện nay, hoạt động giảng dạy tiếng Việt và văn hoá Việt Nam đã và đang được triển khai tại nhiều cơ sở giáo dục đại học khắp ba miền. Mỗi đơn vị giáo dục có các phương pháp giảng dạy khác nhau, tùy vào nhu cầu thực tế và nguồn lực tại chỗ. Tại khu vực miền Trung, Trường ĐHNN-ĐHĐN là đơn vị uy tín trong đào tạo chương trình này. So với các đơn vị giảng dạy tiếng Việt tại Hà Nội hay TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và khu vực miền Trung sở hữu những lợi thế đặc thù mà ít nơi nào có thể thay thế được.

Về mặt văn hoá, đây là khu vực có nhiều di sản thế giới được UNESCO công nhận, như Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn và Quần thể di tích Cố đô Huế chỉ trong bán kính chưa đầy 100km - một lợi thế địa văn hoá đặc biệt mà không thành phố lớn nào khác có thể tái tạo trong chương trình học. Về mặt kinh tế, chi phí sinh hoạt tại Đà Nẵng thấp hơn đáng kể so với Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Theo số liệu từ Cục Thống kê, Bộ Tài chính, chỉ số giá sinh hoạt theo không gian (SCOLI) năm 2024 tại Hà Nội đắt đỏ nhất với mức tham chiếu là 100%, TP. Hồ Chí Minh đứng thứ 3 (99,8%) và Đà Nẵng đứng thứ 5 (98,21%) trong số năm thành phố trực thuộc Trung ương được thống kê [24]. Theo đó, chi phí sinh hoạt tại Đà Nẵng rẻ hơn so với các thành phố khác, tạo điều kiện cho nhiều đối tượng LHS quốc tế có thể theo học trong thời gian dài hơn với ngân sách hợp lý. Về môi trường học tập, quy mô vừa phải của thành phố tạo ra không gian tiếp xúc thực tế với người bản địa dễ dàng hơn so với các siêu đô thị. Ngoài ra, Đà Nẵng còn có các chính sách thu hút đầu tư quốc tế và phát triển du lịch bền vững, tạo ra môi trường đô thị năng động với cộng đồng quốc tế đông đảo - một bối cảnh thuận lợi cho LHS vừa học ngôn ngữ vừa trải nghiệm hội nhập văn hoá thực chất. Tuy nhiên thực tế cho thấy, chương trình giảng dạy tại Trường vẫn chưa thực sự khai thác hết những lợi thế đặc thù này của địa phương.

Theo đó, Khoa Quốc tế học – đơn vị trực tiếp quản lý Bộ môn tiếng Việt và văn hoá Việt Nam cho người nước ngoài cần định hướng xây dựng chương trình đào tạo theo hướng mở rộng các hoạt động trải nghiệm thực tế, với sự hỗ trợ từ Nhà trường, nhằm tăng cường kết nối với cộng đồng địa phương. Việc học tập thông qua các chương trình trải nghiệm thực địa cũng cần được chú trọng lồng ghép vào chương trình giảng dạy, tạo điều kiện thuận lợi cho SV trực tiếp tham quan các di sản. Ngoài ra, LHS theo học chương trình tiếng Việt và văn hoá Việt Nam nên được tạo điều kiện tham gia mô hình sống cùng với người dân bản địa, từ đó trải nghiệm các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của người dân. Không gian sinh hoạt thực tế này sẽ giúp cho LHS ngoài việc hiểu rõ về nếp sống, văn hoá ứng xử, thói quen và ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày, và hệ giá trị tinh thần của người Việt, đồng thời giúp nâng cao khả năng tiếng Việt khi được ứng dụng trong bối cảnh giao tiếp thực tế ngoài lớp học, tiếp xúc trực tiếp với người bản xứ, từ đó tăng cường thúc đẩy ngoại giao liên văn hoá.

### 5.2. Tăng cường ứng dụng công nghệ

Trong thời đại khoa học công nghệ phát triển mạnh

mẽ như hiện nay, việc truyền bá văn hóa không thể tách rời các nền tảng công nghệ hiện đại. Nhà trường cần xây dựng một Hệ sinh thái văn hóa số dành riêng cho LHS. Một bên, có thể xây dựng các kho dữ liệu đa phương tiện về các di sản miền Trung như Phố cổ Hội An, Cố đô Huế để tích hợp vào chương trình giảng dạy tiếng Việt. Điều này giúp LHS có thể trải nghiệm văn hóa một cách trực quan ngay cả khi chưa có điều kiện đi thực tế, đồng thời giải quyết bài toán thiếu hụt tư liệu chuyên sâu đã nêu ở phần hạn chế. Còn lại có thể thiết lập các khóa học văn hóa trực tuyến ngắn hạn để duy trì sự kết nối với người học sau khi họ trở về nước. Như vậy, việc ứng dụng công nghệ không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình đào tạo mà còn là công cụ đắc lực để thúc đẩy ngoại giao văn hóa xuyên biên giới, giúp hình ảnh Việt Nam luôn hiện diện trong đời sống của LHS.

### 5.3. Xây dựng mạng lưới Đại sứ văn hoá

Để giải quyết tình trạng thiếu kết nối giữa các thế hệ người học, Trường ĐHNN-ĐHĐN cần coi LHS là những chủ thể nòng cốt trong chiến lược thúc đẩy phát triển ngoại giao văn hoá. Theo đó, Nhà trường có thể xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và kênh liên lạc chính thức để kết nối các thế hệ LHS từ Lào, Hàn Quốc, Pháp, Hoa Kỳ, v.v. Việc duy trì mạng lưới này tạo ra một cộng đồng Đại sứ văn hóa có tổ chức, sẵn sàng hỗ trợ quảng bá hình ảnh Việt Nam tại quốc gia bản địa. Ngoài ra, cần có cơ chế khuyến khích và hỗ trợ LHS tự xây dựng nội dung quảng bá thông qua Vlogs, blog, mạng xã hội về trải nghiệm học tiếng Việt của họ tại Đà Nẵng. Bằng cách trao quyền cho LHS, Nhà trường tạo ra một kênh ngoại giao nhân dân tự nhiên, khách quan và có sức thuyết phục cao đối với cộng đồng quốc tế.

Bên cạnh đó, cũng cần có chính sách đãi ngộ và vinh danh đối với những LHS có đóng góp tích cực trong việc kết nối hợp tác giáo dục giữa Trường ĐHNN-ĐHĐN và các đối tác quốc tế, biến họ thành những cầu nối chiến lược cho các dự án quốc tế hóa giáo dục trong tương lai. Điều này có thể trở thành động lực để LHS vừa cố gắng trong học tập vừa nỗ lực trong việc quảng bá ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam trong một bình diện rộng lớn và đa dạng hơn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Prime Minister, *Decision on the Approval of the Cultural Diplomacy Strategy to 2030*, No. 2013/QĐ-TTg, 2021.
- [2] Communist Party of Viet Nam, *Resolution of the Politburo on the Development of Vietnamese Culture*, No. 80-NQ/TW, 2026.
- [3] A. Philemon, "The role of language in the promotion of culture and national development", *Journal of African Studies and Sustainable Development*, vol 3, no. 10, pp.44-62, 2020.
- [4] U.S. Department of State, "Cultural Diplomacy: The Linchpin of Public Diplomacy". U.S. Department of State, 2005.
- [5] M. Cummings, "Cultural diplomacy and the United States government: A Survey", *Americans for the Arts*. [Online]. Available: <https://www.americansforthearts.org/sites/default/files/MCCpaper.pdf> [Accessed February 10, 2026].
- [6] J. Y. Zhou, "The Role of British Council in UK Culture Diplomacy", *Open Journal of Political Science*, vol. 12, no. 4, pp. 612–625, Oct. 2022.
- [7] H. D. Brown, *Principles of Language Learning and Teaching*. New York: Pearson Education, 2007.

- [8] D. Elmes, "The relationship between language and culture", Kanoya University of Technology Academic Research Bulletin, pp. 11-18, 2013.
- [9] R. Wardhaugh, and J. M. Fuller, *An introduction to sociolinguistics*. John Wiley & Sons Ltd, 2021.
- [10] W. Jiang, "The relationship between culture and language", *ELT Journal*, Vol 4, no. 54, pp.328-334, 2000.
- [11] R.L. Sundana, and N. Rayluna, "The Role of Language and Literature in Cultural Diplomacy between Nations", *The Proceedings of 1st International Conference on Aceh Civilization*. Vol.1, pp. 186-192, 2024.
- [12] W. H. Goodenough, "Cultural Anthropology and Linguistics. In P. L. Garvin", *Report of the 7th annual round table meeting on Linguistics and Language teaching*, Washington, D.C.: Georgetown University Press, 1957.
- [13] British Council, "Royal Charter and Bye-laws," London, UK, 2011. [Online]. Available: <https://www.britishcouncil.org/sites/default/files/royal-charter-and-bye-laws.pdf>. [Accessed: Apr. 27, 2026].
- [14] British Council, "2023-24 Annual Report and Accounts", British Council, 2024.
- [15] British Council, "2022-23 Annual Report and Accounts", British Council, 2023.
- [16] Goethe Institut, "Annual Report 24/25", Goethe Insitut, Munich, 2025.
- [17] T. Lanshina, "The Goethe Institute and Soft Power", *International Organizations Research Journal*, Vol 10, no. 1, pp. 86-104, 2015.
- [18] Goethe Institut, "Annual Report 23/24", Goethe Institut, Munich, 2024.
- [19] J. Gu, and S. Deng, "Rearticulating the promotion of Japanese language and culture from the perspective of "soft power": planning and effects", *Frontiers in Psychology*, 2024.
- [20] The Japan Foundation, "The Japan Foundation Annual Report 2023-2024", The Japan Foundation Public Relation Department, Tokyo, Japan, 2024.
- [21] The University of Danang - University of Foreign Language Studies, "Report on the Summary of the 2021–2022 Academic Year and Directions for the 2022–2023 Academic Year", 2022.
- [22] The University of Danang - University of Foreign Language Studies, "Report on the Summary of the 2023–2024 Academic Year and Directions for the 2024–2025 Academic Year", 2024.
- [23] The University of Danang - University of Foreign Language Studies, "Report on the Summary of the 2024–2025 Academic Year and Directions for the 2025–2026 Academic Year", 2025
- [24] National Statistic Office, "Press Release on Spatial Cost of Living Index in 2024", *Ministry of Finance* [Online]. Available <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2025/04/thong-cao-bao-chi-ve-chi-so-gia-sinh-hoat-theo-khong-gian-nam-2024/> [Accessed March 25, 2026].
- [25] P. T. Kim, "Improving the effectiveness of teaching and learning Vietnamese for Lao students at the University of Foreign Language Studies – University of Da Nang through cultural experience activities," *The University of Danang - Journal of Science and Technology*, vol. 23, no. 8C, pp. 21–26, Aug. 2025, [https://doi.org/10.31130/ud-jst.2025.23\(8C\).438](https://doi.org/10.31130/ud-jst.2025.23(8C).438).